

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có

Bị đơn – ông Khiếu Trần Hoàng V vắng mặt và không có ý kiến gì gửi Tòa mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến nhận xét về việc chấp hành pháp luật về tố tụng dân sự: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến nhận xét về việc chấp hành pháp luật về tố tụng dân sự: trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Bà L có đơn yêu cầu ly hôn với ông V , do ông V cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ ông V đến Tòa án để trình bày tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông V vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến phản hồi nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 111/2017, đăng ký ngày 28/11/2017 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cấp thể hiện hôn nhân giữa bà L và ông V là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà Linh có yêu cầu xin ly hôn với ông V , Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi đăng ký kết hôn, trong quá trình xây dựng cuộc sống chung vợ chồng do cả hai bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến không thể cùng nhau xây dựng được cuộc sống hôn nhân thực tế và hiện cả hai đã không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng của mình. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông V không đến Tòa chứng tỏ sự thiếu thiện chí trong việc mong muốn giải quyết mâu thuẫn để cùng nhau hàn gắn tình cảm, quan hệ hôn nhân nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L .

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà L khai không có, ông V vắng mặt không có ý kiến gì gởi Tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – bà Nguyễn Hoàng Bảo L :

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hoàng Bảo L được ly hôn với ông Khiếu Trần Hoàng V .

1.2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Hoàng Bảo L chịu, được căn trừ vào số tiền bà L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0008xxx ngày 10/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Bích Thảo